12 TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 25-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Văn Diễn;

2.Bà Nguyễn Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với:

Bị cáo Lê Đức H S ngày 01/5/1993; tại: Huyện TT, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Số A, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đức T S năm 1970 và bà: Nguyễn Thị D S năm 1973; vợ, con: Chưa có

Tiến sự: Không

Tiền án: Bản án số 54/2016/HSST ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố TB, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "*Cướp giật tài sản*", chấp hành xong án hình phạt tù ngày 06/11/2018 và chấp hành xong án phí ngày 06/10/2016

Nhân thân: Bản án 84/2011/HSST ngày 01/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp

hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2012 và chấp hành xong án phí ngày 17/01/2012

Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2020, đến ngày 05/3/2020 chuyển tạm giam hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P.

Bị hại: Ông Đỗ Văn L S năm 1952; địa chỉ: Thôn CM, xã ĐT, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo và ông L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 05 giờ ngày 28/02/2020, Lê Đức H mang theo 01 vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L được đánh dẹt hai đầu với mục đích đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đến cổng T thuộc địa phận xã TQ, huyện TT thì gặp bạn là Tạ Duy A. H đã rủ Duy A đi trộm cắp. Duy A đồng ý, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đỏ đen không rõ biển kiểm soát của Duy A chở H ngồi sau đi lòng vòng sang huyện P xem nhà ai sơ hở thì trộm cắp. Khi đến nghĩa trang thuộc Thôn CM, xã ĐT, huyện P cả hai phát hiện ở mé đường gần cổng nghĩa trang có để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Weve RSX sơn màu đỏ đen biển kiểm soát 17B5 – 190.62 của ông Đỗ Văn L, không có người trông coi. Thấy xung quanh không có người qua lại H liền nói "*dừng xe lại*". Duy A điều khiển xe đi qua vị trí chiếc xe trên khoảng 2m đến 3m thì dừng lại, cảnh giới. H xuống xe, đi đến thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện liền nổ máy điều khiển xe đi hướng nghĩa trang vào đường bê tông Thôn CM. Lúc này ông L đang thăm mộ gần đó chạy ra hô hoán. Thấy vậy Duy A phóng xe bỏ chạy thoát. Anh Đỗ Tiến S là con trai ông L ở gần đó liền điều khiển xe mô tô chở ông L đuổi theo H và gọi điện trình báo Công an xã ĐT để phối hợp đuổi bắt. H điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được bỏ chạy đến khu vực cánh đồng cách ngã ba thôn QN khoảng 100m thì bị Công an xã ĐT chặn lại. H bỏ xe chạy xuống ruộng thì bị anh S và Công an xã ĐT bắt đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã ĐT lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý xe mô tô và vam phá khóa.

Kết quả định giá tài sản: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Weve RSX sơn màu đỏ đen biển kiểm soát 17B5 – 190.62 có giá trị là 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo khai: Khoảng 05 giờ ngày 28/02/2020 bị cáo mang theo 01 vam phá khóa bằng kim loại để đi trộm cắp xe máy, khi đi đến cổng T thuộc xã TTr huyện TT thì gặp Tạ Duy A, bị cáo đã rủ Duy A đi trộm cắp, Duy A đồng ý. Duy A chở bị cáo sang huyện P, khi đến nghĩa trang Thôn CM, xã ĐT, huyện P thì cả hai phát hiện thấy ở mé đường gần cổng nghĩa trang có để 01

chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda W eve RSX sơn màu đỏ đen biển kiểm soát 17B5 – 190.62, thấy không có ai, bị cáo đã bảo Duy A dừng lại, Duy A điều khiển xe cách 2 -3m thì dừng lại cảnh giới còn bị cáo đi đến thấy chìa khỏa điện vẫn ở ổ khóa nên bị cáo nổ máy điều khiển xe. Khi nghe tiếng hô hoán thì Duy A bỏ chạy trước, bị cáo điều khiển xe đi được một đoạn thì bị phát hiện bắt giữ.

Bị hại ông Đỗ Văn L khai: Sáng ngày 28/02/2020 ông điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Weve RSX sơn màu đỏ đen biển kiểm soát 17B5 – 190.62 ra nghĩa trang Thôn CM, xã ĐT, huyện P để thăm mộ của gia đình. Khi đến nghĩa trang ông tắt máy, để xe ở mé đường gần cổng nghĩa trang, chìa khóa vẫn để ở ổ khỏa điện sau đó vào thăm mộ, khi đi đến phần mộ của gia đình cách cổng nghĩa trang khoảng 15m thì ông phát hiện ra tiếng nổ máy xe, ông nhìn ra thấy cơ 01 thanh niên đang ngồi trên xe của ông nên ông đã hô hoán và đuổi theo, Công an xã đã bắt được Lê Đức H là người trộm cắp xe môtô của ông. Ông đã nhận lại chiếc xe trên nên về trách nhiệm dân sự ông không yêu cầu giải quyết. Về trách nhiệm hình sự ông đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 53/CT-VKSQP ngày 12/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Lê Đức H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Đức H về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Lê Đức H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Lê Đức H từ15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/02/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu nên nên bị cáo đã đi trộm cắp tài sản. Bị **c**áo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 28/02/2020, tại cổng nghĩa trang Thôn CM, xã ĐT, huyện P, tỉnh Thái Bình, Lê Đức H đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu hiệu Honda Weve RSX sơn màu đỏ đen biển kiểm soát 17B5 – 190.62 trị giá 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) ông Đỗ Văn L để tại cổng nghĩa trang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173.Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

……

đ) Tài sản là di vật, cổ vật

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, giữa ban ngày lợi dụng sở hở, của chủ tài sản nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự

trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện trộm cắp tài sản của người khác, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên coi đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị xét xử về tội "*Cướp giật tài sản*", chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo đã bị xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*" lại chưa được xóa án tích về tội "*Cướp giật tài sản*" mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Bị cáo đã được giáo dục cải tạo nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

[7] Từ những căn cứ nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ông Đỗ Văn L đã nhận lại các tài sản đã bị trộm cắp là chiếc xe mô tô nhãn hiệu hiệu Honda Weve RSX sơn màu đỏ đen biển kiểm soát 17B5 – 190.62 trị giá 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*), ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm vì vậy về trách nhiệm dân sự HĐXX không xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe chiếc xe mô tô nhãn hiệu hiệu Honda Weve RSX sơn màu đỏ đen biển kiểm soát 17B5 – 190.62 là tài sản hợp pháp của ông Đỗ Văn L, cơ quan điều trả đã trả lại cho ông L, ông L đã nhận lại và không có ý kiến gì. Đối 01 chiếc vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L được đánh dẹt hai đầu đã thu giữ của bị cáo, đây là tài sản mà bị cáo có ý định

dùng vào việc phạm tội, lại có giá trị không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Đối với Tạ Duy A là người cùng bị cáo Lê Đức H đi trộm cắp tài sản nhưng hiện tại Duy A không có mặt tại địa phương. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Lê Đức H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/02/2020.

3.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu để tiêu hủy 01vam phá khóa bằng kim loại màu trắng hình cữ L được đánh dẹt hai đầu.

(*Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P ngày 13/5/2020*).

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Đức H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Bị cáo, bị hại;
-VKSND h. Quỳnh Phụ;
-VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an &Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;
- UBND thị trấn DĐ, h.TT;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)